

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2026

V/v tranh chấp về hôn nhân

và gia đình - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Ngọc G, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 15, ấp 3, xã B, tỉnh Đ.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Vũ Anh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 4, khóm 15, phường M, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc Gám trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc G và anh Phạm Vũ Anh T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Chị G và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đ (nay là Ủy ban nhân dân Phường M, tỉnh Đ), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2022, ngày 20/10/2022.

Sau khi kết hôn, chị G và anh T sống hạnh phúc, vui vẻ. Tuy nhiên đến cuối năm 2024 chị G và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến nay vẫn chưa thể giải quyết được. Từ đó tình cảm giữa chị G và anh T ngày càng lạnh nhạt, cả hai thường xuyên cãi nhau, dẫn đến bất hòa trong cuộc sống ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được. Chị G và anh T đã

không có tiếng nói chung, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc. Nay chị Đặng Thị Ngọc G yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Vũ Anh T.

- Về con chung: Trong đơn khởi kiện, chị G yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 14/6/2022. Đối với con chung Phạm Thành L, sinh ngày 05/01/2015, do con chung Phạm Thành L đã trên 07 tuổi, yêu cầu Tòa án hỏi ý kiến của Phạm Thành L là có nguyện vọng sống cùng chị G hay sống cùng anh T. Nay con chung Phạm Thành L đã có ý kiến thống nhất sống cùng chị G nên chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Thành L. Hiện hai con chung đang sống cùng chị G, chị G đủ điều kiện để chăm sóc các con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Vũ Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không đến tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa,

Chị Đặng Thị Ngọc Gám trình bày: Anh T và chị G kết hôn là do mai mối không tự tìm hiểu, sau khi cưới nhau cả hai về chung sống tại nhà anh T địa chỉ phường M, tỉnh Đ. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn vì vậy đầu năm 2025 chị G cùng với 02 con về nhà mẹ ruột tại ấp 3, xã B, tỉnh Đ cho đến nay. Thời gian về nhà mẹ ruột anh T có đến thăm các con nhưng anh T không phụ cấp hay cho tiền để nuôi hai con chung, việc nuôi dưỡng các con đều do chị G tự lo. Chị Gám xác định nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh T mê chơi cờ bạc, không lo làm ăn và còn bạo lực với chị G. Do đó, chị G và anh T đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay, từ khi ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm, chị G đã không còn tình cảm yêu thương với anh T, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh T. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, hiện tại chị G có công việc ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con mong Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị G có thông báo cho anh T biết, anh T đồng ý ly hôn nhưng anh T không đồng ý đến Tòa án để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú phường M, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc G và anh Phạm Vũ Anh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2022, ngày 20/10/2022 nên hôn nhân giữa chị G và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa chị G và anh T hạnh phúc nhưng thời gian sau thì chị G và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể giải quyết được, tình cảm giữa chị G và anh T ngày càng lạnh nhạt, cả hai thường xuyên cãi nhau, dẫn đến bất hòa trong cuộc sống ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được. Chị G và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 cho đến nay, cả hai không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên chị G, chị G nên cho anh T cơ hội hàn gắn và đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con chung và xây dựng gia đình nhưng chị G cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T, khẳng định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng với anh T mong Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị G và anh T đã không còn hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, xảy ra nhiều mâu thuẫn, giữa chị G và anh T không có sự chia sẻ yêu thương, anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị G và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G, chị G được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của chị G và Giấy khai sinh của con chung, xác định chị G và anh T có 02 con chung Phạm Thành L, sinh ngày 05/01/2015 và Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 14/6/2022. Hiện 02 con chung đang sống với chị G. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, 02 con chung hiện đang sinh sống cùng với chị

G, chị G là người đã nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung từ khi sinh ra cho đến nay. Chị G xác định, chị G có công việc ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Các con đều còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc, giáo dục trực tiếp từ người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, chị G được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Thành L, sinh ngày 05/01/2015 và Phạm Thị Ngọc Ng, sinh ngày 14/6/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Ngọc G. Chị Đặng Thị Ngọc G được ly hôn với anh Phạm Vũ Anh T.

2. Về con chung: Chị G và anh T có 02 con chung Phạm Thành L, sinh ngày 05/01/2015 và Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 14/6/2022. Hiện 02 con chung đang sống với chị G. Chị Đặng Thị Ngọc G được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Thành L, sinh ngày 05/01/2015 và Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 14/6/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000303 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ. Chị G đã nộp xong tiền án phí.

Anh Phạm Vũ Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND KV6-ĐT;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- UBND phường Mỹ Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ong Thị Ngọc Tâm